TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 60 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 07/12/2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin
Ông Nguyễn Hải Lý
Thư ký phiên toà: Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 201/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1991 (có mặt)
Cư trú tại: thôn B1, xã Đ1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn*:** Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1986 (có mặt)
Cư trú tại: thôn B2, xã Đ2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/8/2018 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Trần Thị O trình bày: Chị và anh Th kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ2, huyện Y. Cưới xong, chị về nhà chồng sinh sống và làm ăn ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 3 năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh Th đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không chia sẻ được với nhau những khó khăn trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn qua điện thoại, sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp, không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất tháng 4/2016 nguyên nhân là do anh Th điện thoại về cho bố mẹ đẻ chị nói muốn ly hôn chị và chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ năm 2016 vợ chồng ít liên lạc với nhau nguyên nhân là do anh Th có quan hệ

ngoại tình. Tháng 8 năm 2018 anh Th về nước, vợ chồng gặp nhau, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2016 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Nhật N, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2014, hiện đang ở với gia đình anh Th. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ, khi đó chị muốn suy nghĩ lại vợ chồng đoàn tụ nên chị không đưa con chung đi cùng. Sau này chị đón con chung, bố mẹ chồng không đồng ý.

Chị hiện công tác tại Phòng kế hoạch của Công ty H ở khu công nghiệp Đ, huyện V. Công việc và thu nhập ổn định, trung bình 10.000.000đ/tháng, chứng cứ chị xuất trình là bảng lương. Chị làm hành chính sáng đi chiều về. Hiện chị đang ở với bố mẹ.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị Oanh xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Văn Th là bị đơn: Về thủ tục kết hôn, anh đồng ý lời trình bày của chị O. Anh trình bày thêm, sau khi cưới vợ chồng hạnh phúc, tháng 1 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó. Sự việc vợ chồng như vậy anh nhờ bố mẹ chị O khuyên bảo nhưng không có kết quả. Bực quá anh điện thoại đuổi chị O. Chị O về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 4/2016 đến nay. Chị O về nhà bố mẹ đẻ ở, khi đó, con chung 15 tháng tuổi, nhưng chị O bỏ con, không quan tâm đến con.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị O xin ly hôn, anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Nhật N, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2014, hiện đang ở với anh và ông bà nội.

Công việc của anh là làm quản lý ở khu công nghiệp Quế Võ, Bắc Ninh. Ngoài ra còn phiên dịch tiếng Trung và bán hàng online. Công việc và thu nhập ổn định trung bình 15.000.000đ/tháng, hiện anh làm ở Hà Nội, đi làm 02 tuần về một lần. Ông bà nội là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hàng ngày anh điện thoại về thăm con.

Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi con chung, anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh Th xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị O và anh Th
- Con chung: Chị O được nuôi con chung Vũ Nhật N, chị O không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.
- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về lệ phí, án phí tòa án buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị O và anh Th kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã Đ2, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th đi hợp tác lao động tại Đài Loan, vợ chồng xa nhau nên có những bất đồng quan điểm sống, chị O nghi ngờ anh Th có quan hệ ngoại tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, không quan tâm đến nhau. Anh Th nhờ bố mẹ vợ dàn xếp nhưng không có kết quả. Anh bực quá điện thoại đuổi chị O và chị O về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2016 đến nay.

Kết quả xác minh tại gia đình anh Th và địa phương cung cấp cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do năm 2015 anh Th đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng cãi nhau qua điện thoại, tháng 4 năm 2016 chị O về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Tháng 8 năm 2018 anh Th về nước, nhiều lần hai gia đình dàn xếp, không có kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị O và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, anh Th đồng ý là phù hợp với Điều 51và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Nhật N, sinh 08/11/2014, hiện đang ở với anh Th và ông bà nội. Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy kết quả xác minh tại gia đình anh Th cung cấp, anh Th làm ở Công ty tại Bắc Ninh. Ngoài ra, anh còn đi phiên dịch tiếng nước ngoài ở khắp miền Bắc từ Sơn La, Hà Nội, Hải Phòng..., có khi đi làm 01 tuần, hoặc 1 tháng về một lần. Tại phiên tòa anh Th xác định hiện anh làm ở Hà Nội, 02 tuần về một lần. Việc nuôi dưỡng cháu Nam là do bố mẹ anh Th. Bên cạnh đó chị O có công việc là thu nhập ổn định, công

việc làm hành chính, sáng đi chiều về. Hiện cháu N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của bố, mẹ. Để đảm bảo quyền và lợi ích cho con chung, áp dụng Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cho chị O chăm sóc nuôi dưỡng. Chị O không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị O và anh Th xác định không có, nay không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Oanh phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Vũ Văn Th

2. Về Con chung: Giao cho chị Trần Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Vũ Nhật N, sinh 08/11/2014.

Chị O không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Th có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị O phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002590 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị O đã nộp đủ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Đ2.